

Bản án số: 25/2020/DS - PT
Ngày: 26/02/2020
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLPT- DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2019/DSST, ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:42/2020/QĐPT- DS, ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1963.

Cư trú: Số 168A, ấp N , xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1994. Cư trú: Số 11/5, ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Duy V
- Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1977.

2.2. Anh Nguyễn Huy B, sinh năm 1976.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bấy là chị T (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018)

Cùng cư trú: Số 76C, ấp Tân Vĩnh T, xã N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

3. *Người kháng cáo*: Chị Hồ Thị Ngọc T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Ngày 11/10/2011 bà Trần Thị N có cho vợ chồng chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B vay số tiền 410.000.000 đồng, lãi suất 8.000.000 đồng/tháng, chị T có viết cam kết thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, thời gian vay thỏa thuận 01 tháng, mục đích vay để kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng đất thửa số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất tại số 76C ấp Tân V, xã N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng chuyển nhượng đất được công chứng, bà N chưa sang tên và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Tuyên đứng tên cá nhân.

Ngày 03/8/2012 chị T và anh B tiếp tục vay của bà N 250.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn, chị T có viết biên nhận nợ.

Ngày 28/12/2012 chị T và anh B tiếp tục vay của bà N 182.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng vay không thời hạn, chị T có viết biên nhận nợ.

Ngày 16/01/2014 chị T và anh B tiếp tục vay thêm 558.000.000 đồng, không viết biên nhận nợ mà viết cam kết thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện nội dung cộng tất cả 4 lần vay là 1.400.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 2%, không xác định thời hạn vay.

Từ ngày 11/10/2011 đến tháng 12/2016 vợ chồng chị T trả được 138.500.000 đồng tiền lãi.

Yêu cầu vợ chồng chị T trả 2.791.850.800 đồng trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi 1.391.850.800 đồng. Tiền lãi được tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày nhận nợ đến tháng 01/2018.

Bị đơn chị Hồ Thị Ngọc T và chị Hồ Thị Ngọc T đại diện anh Nguyễn Huy B trình bày:

Vào năm 2009 vợ chồng chị có vay của bà Trần Thị N 150.000.000 đồng để kinh doanh, lãi suất 5%/tháng, để đảm bảo cho việc trả nợ chị có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N thửa đất do chị đứng tên cá nhân số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất tại số 76C ấp Tân V, xã Tân N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi vay tiền chị có đóng lãi cho bà N được 3 tháng rồi do kinh doanh thất bại không có khả năng trả lãi và vốn cho bà N

Những biên nhận bà N kiện chị không thống nhất vì ngoài số tiền vay 150.000.000 đồng chị không có vay thêm của bà N lần nào, do chị không có tiền đóng lãi nên bà N tính lãi nhập vốn rồi yêu cầu chị phải ký nhận. Nay chị thống nhất trả cho bà N 410.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 400.000 đồng.

Ngày 09/4/2018 bị đơn yêu cầu phản tố hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ký với bà N ngày 11/10/2011, thửa đất số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² tại số 76C ấp Tân Vĩnh T, xã Tân N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; hủy thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/11/2011; hủy tờ cam kết thực hiện đúng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 16/12/2013; hủy tờ biên nhận lập ngày 16/6/2012; hủy tờ biên nhận lập ngày 16/11/2012.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2019/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 129, 137, 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án và danh mục ban hành kèm theo. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B trả cho bà Trần Thị N số tiền 1.816.020.000 đồng (một tỷ tám trăm mười sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Hồ Thị Ngọc T và bà Trần Thị N ngày 11/10/2011, thửa đất số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² tại số 76C ấp Tân Vĩnh T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 24/9/2019 chị Hồ Thị Ngọc T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị N số tiền 410.000.000đồng (gốc 150.000.000đồng và lãi là 260.000.000đồng)

Quan điểm của vị luật sư sau khi phân tích tình tiết và các chứng cứ của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T, anh B trả cho bà N tiền vốn 1.400.000.000 đồng thời gian tính lãi từ 01/01/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tính lãi suất cơ bản ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/ tháng, thống nhất trả cho chị T, anh B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 96, tờ bản đồ 16, diện tích 605,2m².

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị Ngọc T. Sửa bản án sơ thẩm số: 105/2019/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Buộc chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B trả cho bà Trần Thị N số tiền 1.739.500.000đồng. Chị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có nộp thêm chứng cứ

nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2019 đến ngày 24/9/2019 chị Hồ Thị Ngọc T có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Hồ Thị Ngọc T kháng cáo chỉ thống nhất trả cho bà Trần Thị Nga số tiền 410.000.000đồng gồm 150.000.000đồng tiền gốc và 260.000.000đồng tiền lãi vì chị cho rằng chị không có vay số tiền gốc 1.400.000.000đồng, là từ số tiền ban đầu chị vay là 150.000.000đồng vào năm 2009, quá trình vay tiền bà N đã tính lãi nhập vốn nhiều lần và yêu cầu viết biên nhận nhiều lần với biên nhận 11/10/2011 số tiền 410.000.000đồng, ngày 03/8/2012 số tiền 250.000.000đồng, ngày 28/12/2012 số tiền vay 182.000.000đồng và ngày 16/01/2014 số tiền vay ngày 558.000.000đồng tổng cộng số tiền vay là 1.400.000.000đồng.

Xét thấy, chị T kháng cáo và trình bày với nội dung nêu trên là chưa phù hợp. Bởi vì, thể hiện tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì chị T không chứng minh được từ tiền vốn gốc nhập lãi với tổng số tiền là 1.400.000.000đồng, lời trình bày của chị T cũng không được bà N thừa nhận. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm chị T cũng thừa nhận các tờ cam kết và biên nhận nợ từ bút lục 56,57,58,59,60 là do chị và anh Bấy ký tên. Như vậy, cấp sơ thẩm buộc chị T, anh B trả cho bà N số tiền vốn 1.400.000.000đồng là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Thanh L đại diện ủy quyền của bà N thay đổi yêu cầu đối với thời gian tính lãi suất tính từ ngày 01/01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền 1.400.000.000đồng với mức lãi suất Nhà nước quy định là 0,75%/ tháng.

Đối với yêu cầu thay đổi thời gian tính lãi và mức lãi suất của bà N và đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền lợi ích cho bà N là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, mức lãi suất phù hợp với Quyết định số: 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương đương 0.75%/tháng cho nên cần sửa bản án sơ thẩm đối phần lãi suất. Do đó, thời hạn tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2019 là 32 tháng 10 ngày, tiền lãi được tính như sau: $(1.400.000.000\text{đồng} \times 0,75\% \times 32\text{tháng}) + (1.400.000.000\text{đồng} \times 0,75\% \times 10\text{ngày} : 30) = 339.500.000\text{đồng}$.

Như vậy, tiền vốn 1.400.000.000đồng và tiền lãi 339.500.000đồng, tổng cộng 1.739.500.000đồng.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm chị T yêu cầu bà N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² tại số 76C ấp Tân Vĩnh T, xã N, thành phố V tỉnh Vĩnh Long, đã giao cho bà N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên, anh Nguyễn Thanh L đại diện ủy quyền của bà N cũng thống nhất trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² cho chị . Xét thấy, chị T yêu cầu bà N trả giấy chứng quyền sử dụng đất thửa đất là phù hợp chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị Ngọc T. Tuy nhiên sửa bản án sơ thẩm số: 105/2019/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long về phần lãi suất, giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Buộc chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B trả cho bà Trần Thị N số tiền 1.739.500.000đồng.

Buộc bà Trần Thị N trả cho chị Hồ Thị Ngọc T anh Nguyễn Huy B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 96, tờ bản đồ số 11 tại diện tích 605,2m² tại số 76C ấp Tân Vĩnh T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do chị Hồ Thị Ngọc T đứng tên, cấp ngày 15/4/2004 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03757QSĐĐ/139/QĐ.UB.

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự:

Do bà Trần Thị N thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian trả lãi được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền lãi không được chấp nhận như án sơ thẩm đã tuyên. Nhưng bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch 300.000đồng đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên vô hiệu.

Chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 129, 137, 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 29, Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án và danh mục ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị Ngọc T. Sửa bản án sơ thẩm số: 105/2019/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B trả cho bà Trần Thị N số tiền 1.739.500.000 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Hồ Thị Ngọc T và bà Trần Thị N ngày 11/10/2011, thửa đất số 96, tờ bản đồ 11, diện tích 605,2m² tại số 76C ấp Tân Vĩnh T, xã N, thành phố V tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Trần Thị N trả cho chị Hồ Thị Ngọc T, anh Nguyễn Huy B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 96, tờ bản đồ số 11 tại diện tích 605,2m² tại số 76C ấp Tân Vĩnh T, xã N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do chị Hồ Thị Ngọc T đứng tên, cấp ngày 15/4/2004 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03757QSDĐ/139/QĐ.UB.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 43.919.000 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0003672 ngày 23/02/2018. Bà Trần Thị N được hoàn trả lại 43.619.000 đồng (bốn mươi ba triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng)

Buộc chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B phải chịu án phí sơ thẩm 64.170.000 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003816 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị H Thị Ngọc T và anh Nguyễn Huy B còn phải nộp 63.870.000 đồng (sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Chị Hồ Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004924 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long cho chị Hồ Thị Ngọc T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- TANDCC Tại TP. HCM;
- VKSND TVL;
- TAND TP.VL;
- VKSDND TP. VL;
- Chi cục THADS TP.VL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Ngừng